

Học phần: Vật lý 1 và thí nghiệm

Nhóm: 12

Số tín chỉ:

Ngày thi: 18.06.2016

Giờ thi: 13h

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	20	60		
1	B15DCCN038	Bùi Lan Anh	D15CQCN05-B	9,0	5,0	8,5	5,0	6,1	
2	B15DCVT017	Đào Duy Anh	D15CQVT01-B	9,0	2,0	7,0	5,0	5,5	
3	B15DCVT015	Đào Thị Vân Anh	D15CQVT07-B	9,0	5,0	10,0	6,0	7,0	
4	B15DCAT013	Đỗ Lê Đức Anh	D15CQAT01-B	8,0	4,0	8,0	6,0	6,4	
5	B15DCCN036	Đồng Tùng Anh	D15CQCN03-B	5,0	5,0	8,0	1,0	3,2	
6	B15DCVT018	Nguyễn Việt Anh	D15CQVT02-B	9,0	5,0	8,0	5,0	6,0	
7	B15DCCN029	Phạm Ngọc Anh	D15CQCN07-B	10,0	4,0	9,5	4,5	6,0	
8	B15DCCN049	Ngô Đình Bá	D15CQCN05-B	8,0	5,0	9,0	3,5	5,2	
9	B15DCCN055	Hoàng Văn Bảo	D15CQCN11-B	10,0	5,0	7,0	7,0	7,1	
10	B15DCVT032	Trần Thị Biển	D15CQVT08-B	10,0	4,0	8,0	5,5	6,3	
11	B15DCVT034	Bùi Thị Bình	D15CQVT02-B	9,0	6,0	8,5	2,0	4,4	
12	B15DCVT033	Lê Thanh Bình	D15CQVT01-B	10,0	4,0	8,0	2,0	4,2	
13	B15DCCN075	Cam Văn Chức	D15CQCN09-B	9,0	2,0	7,5	2,5	4,1	
14	B15DCCN076	Mai Thành Công	D15CQCN10-B	10,0	5,0	5,5	1,0	3,2	
15	B15DCAT031	Ngô Văn Cường	D15CQAT03-B	10,0	4,0	7,0	4,0	5,2	
16	B15DCVT053	Nguyễn Đức Cường	D15CQVT05-B	9,0	6,0	8,5	4,0	5,6	
17	B15DCAT033	Nguyễn Thái Cường	D15CQAT01-B	10,0	6,0	8,0	5,0	6,2	
18	B15DCVT055	Vũ Huy Cường	D15CQVT07-B	9,0	4,0	8,5	0,5	3,3	
19	B15DCAT044	Vũ Hải Diệp	D15CQAT04-B	10,0	5,0	9,0	6,5	7,2	
20	B15DCVT069	Nguy Tôn Định	D15CQVT05-B	9,0	2,0	6,0	2,0	3,5	
21	B15DCVT475	Motdame Duangkayson	D15CQVT01-B	10,0	7,0	7,5	7,0	7,4	
22	B15DCCN142	Vũ Thị Dung	D15CQCN10-B	10,0	8,0	9,5	9,5	9,4	
23	B15DCVT098	Trần Trung Dũng	D15CQVT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
24	B15DCCN152	Trịnh Việt Dũng	D15CQCN09-B	7,0	1,0	6,5	6,0	5,7	
25	B15DCCN153	Vũ Văn Dũng	D15CQCN10-B	9,0	5,0	7,5	8,0	7,7	
26	B15DCDT048	Đinh Thái Dương	D15CQDT04-B	7,0	9,0	8,0	6,0	6,8	
27	B15DCDT051	Phạm Văn Duy	D15CQDT03-B	8,0	3,0	7,0	4,0	4,9	
28	B15DCVT120	Nguyễn Thị Thu Hà	D15CQVT08-B	10,0	4,0	8,5	9,5	8,8	
29	B15DCCN178	Trịnh Quốc Hai	D15CQCN02-B	8,0	7,0	8,0	4,0	5,5	
30	B15DCCN184	Ngô Mạnh Hải	D15CQCN08-B	10,0	5,0	8,0	8,0	7,9	
31	B15DCCN188	Ngô Quang Hải	D15CQCN01-B	8,0	5,0	6,5	6,0	6,2	
32	B15DCVT155	Nguyễn Trung Hiếu	D15CQVT03-B	4,0	6,0	0,0		1,0	Không đủ ĐKDT
33	B15DCCN220	Nguyễn Văn Hiếu	D15CQCN11-B	10,0	7,0	9,0	8,0	8,3	
34	B15DCCN226	Hà Thị Hồng Hoa	D15CQCN06-B	10,0	7,0	7,5	7,0	7,4	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	20	60		
35	B15DCCN228	Lê Tiến Hòa	D15CQCN08-B	10,0	7,0	8,0	8,0	8,1	
36	B15DCAT079	Phạm Công Hoan	D15CQAT03-B	9,0	6,0	6,5	5,0	5,8	
37	B15DCDT082	Lê Công Hoàng	D15CQDT02-B	8,0	6,0	6,0	6,0	6,2	
38	B15DCCN248	Nguyễn Quốc Hùng	D15CQCN06-B	8,0	7,0	9,0	9,0	8,7	
39	B15DCDT086	Nguyễn Văn Hùng	D15CQDT02-B	9,0	5,0	8,0	6,0	6,6	
40	B15DCCN270	Đinh Lệnh Quang Huy	D15CQCN06-B	8,0	4,0	8,5	4,0	5,3	
41	B15DCVT198	Hồ Đức Huy	D15CQVT06-B	9,0	6,0	7,5	4,0	5,4	
42	B15DCAT094	Hồ Quang Huy	D15CQAT02-B	10,0	3,0	7,0	2,0	3,9	
43	B15DCVT200	Nguyễn Đình Huy	D15CQVT08-B	7,0	5,0	4,0	5,5	5,3	
44	B15DCCN287	Lê Hồng Khánh	D15CQCN01-B	8,0	5,0	7,0	6,0	6,3	
45	B15DCCN317	Nguyễn Thành Long	D15CQCN09-B	8,0	3,0	8,5		2,8	Vắng
46	B15DCVT239	Dương Tự Lực	D15CQVT07-B	7,0	5,0	7,5	3,0	4,5	
47	B15DCAT116	Phạm Ngọc Mạnh	D15CQAT04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
48	B15DCVT257	Dương Công Minh	D15CQVT01-B	9,0	4,0	7,5	4,0	5,2	
49	B15DCCN355	Nguyễn Đức Minh	D15CQCN03-B	9,0	5,0	7,5	3,0	4,7	
50	B15DCCN365	Trần Ngọc Mỹ	D15CQCN02-B	9,0	3,0	8,0	6,0	6,4	
51	B15DCVT263	Nguyễn Trọng Nam	D15CQVT07-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
52	B15DCVT268	Phùng Đức Nam	D15CQVT04-B	10,0	3,0	8,0	3,0	4,7	
53	B15DCAT118	Trần Bá Nam	D15CQAT02-B	10,0	6,0	7,0	8,0	7,8	
54	B15DCVT281	Trần Văn Nghĩa	D15CQVT01-B	10,0	5,0	7,5	5,0	6,0	
55	B15DCAT126	Phan Hoàng Nhân	D15CQAT02-B	9,0	5,0	8,0	8,0	7,8	
56	B15DCVT469	Saiysavanh Phanthavong	D15CQVT01-B	10,0	7,0	7,5	6,0	6,8	
57	B15DCDT151	Trần Trung Phong	D15CQDT03-B	7,0	4,0	7,0	2,0	3,7	
58	B15DCVT300	Đinh Văn Phú	D15CQVT04-B	10,0	6,0	8,0	3,0	5,0	
59	B15DCVT323	Phạm Văn Quang	D15CQVT03-B	10,0	8,0	10,0	9,0	9,2	
60	B15DCCN443	Đinh Đức Quý	D15CQCN03-B	9,0	6,0	8,0	4,0	5,5	
61	B15DCCN452	Đỗ Thị Thúy Quỳnh	D15CQCN01-B	10,0	5,0	7,5	7,0	7,2	
62	B15DCCN476	Nguyễn Hữu Tài	D15CQCN03-B	9,0	6,0	8,0	7,0	7,3	
63	B15DCCN487	Nguyễn Duy Thái	D15CQCN03-B	9,0	4,0	8,5	8,0	7,8	
64	B15DCVT501	Inthanongsak Thammanila	D15CQVT01-B	9,0	6,0	7,0	4,0	5,3	
65	B15DCAT148	Trần Văn Thắng	D15CQAT04-B	6,0	3,0	7,0	2,5	3,8	
66	B15DCCN510	Dương Công Thành	D15CQCN04-B	7,0	4,0	5,0		2,1	Đình chỉ thi
67	B15DCCN518	Nguyễn Minh Thành	D15CQCN01-B	9,0	6,0	8,0	9,0	8,5	
68	B15DCAT157	Nguyễn Văn Thiêm	D15CQAT01-B	10,0	2,0	7,0	4,0	5,0	
69	B15DCCN531	Nguyễn Hữu Thiệp	D15CQCN03-B	10,0	5,0	8,5	6,0	6,8	
70	B15DCCN553	Đỗ Đình Tiến	D15CQCN03-B	6,0	5,0	7,0	6,0	6,1	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	20	60		
71	B13CCCN163	Nguyễn Đức Toàn	C13CNPM	7,0	4,0	7,0	1,0	3,1	
72	B15DCAT168	Nguyễn Văn Trãi	D15CQAT04-B	9,0	4,0	8,0	5,0	5,9	
73	B15DCCN582	Đào Tiến Trường	D15CQCN10-B	10,0	8,0	9,0	8,0	8,4	
74	B15DCVT421	Nguyễn Văn Trọng	D15CQVT05-B	10,0	4,0	8,0	0,5	3,3	
75	B15DCCN606	Bùi Anh Tuấn	D15CQCN01-B	9,0	5,0	8,5	5,0	6,1	
76	B15DCDT211	Trương Văn Tuấn	D15CQDT03-B	10,0	5,0	7,0	5,0	5,9	
77	B15DCDT227	Trần Quang Vinh	D15CQDT03-B	10,0	6,0	8,0	4,5	5,9	
78	B15DCCN650	Trần Văn Vinh	D15CQCN01-B	9,0	8,0	8,0	2,5	4,8	
79	B15DCVT500	Vongsana Vongdala	D15CQVT01-B	9,0	6,0	7,0	5,0	5,9	
80	B15DCCN657	Lê Văn Vũ	D15CQCN08-B	10,0	4,0	9,5	4,0	5,7	
81	B15DCVT467	Bùi Hoàng Vượng	D15CQVT03-B	7,0	5,0	4,5	2,5	3,6	

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	81	SV	- Số SV dự thi:	75	SV
- Số SV thi đạt:	65	SV	- Số SV vắng thi:	1	SV
- Số SV thi không đạt:	16	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2016
TRƯỞNG TRUNG TÂM

SỐ 1

SỐ 2

Nguyễn Cảnh Châu

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Xuân Trường